

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3845 /TTr-STC ngày 25 tháng 9 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường (bao gồm các dự án, đề án, chương trình bảo vệ môi trường nếu có) trên địa bàn tỉnh Bến Tre do ngân sách nhà nước bảo đảm.

b) Mức chi các nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư phát triển và các nguồn khác) trên địa bàn tỉnh Bến Tre không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định này.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Mức chi

Mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường để thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quy định khác

Các nội dung khác quy định về quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2017. Giao Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh kịp thời cho Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế tại địa phương./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - BTP;
- Website Chính phủ;
- Website tỉnh;
- TT.TU, TT.HẸND tỉnh (thay báo cáo);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Công TTĐT UBND tỉnh;
- HẸND các huyện, thành phố;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Báo Đồng khởi; Đài PT-TH tỉnh (đưa tin);
- Ban Tiếp công dân (đề niêm yết);
- N/c TCĐT;
- Lưu: VT, CT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trong
Cao Văn Trọng



PHỤ LỤC

QUY ĐỊNH MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ban hành kèm Quyết định số 47 /2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh

ĐVT: 1000 đồng

Stt	Nội dung chi	Đvt	Mức chi	Ghi chú
	1	2	3	4
1	Lập nhiệm vụ dự án			
1.1	Lập nhiệm vụ	Nhiệm vụ	2,000	
1.2	Lập dự án	Dự án	5,000	
1.3	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư		áp dụng quy định như nguồn vốn đầu tư	
2	Họp Hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	400	Không tính chi Hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm
	Thành viên, thư ký	Người/buổi	300	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện	Bài viết	500	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Bài viết	300	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án, đề án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết).	Bài viết	400	Trường hợp không thành lập Hội đồng
4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	400	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	50	
	- Tổ chức	Phiếu	100	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày/công	100	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ			
	-Nhiệm vụ	Báo cáo	3,000	
	-Dự án	Báo cáo	10,000	
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	500	
	- Phó Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	400	

	- Ủy viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	300
	- Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100
	- Bài nhận xét của Ủy viên phân biện	Bài viết	500
	- Bài nhận xét của Ủy viên HĐ (nếu có)	Bài viết	300
	- Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	300
7	Hội thảo khoa học (nếu có)		
	- Người chủ trì	Người/buổi	400
	- Thư ký hội thảo	hội thảo	200
	- Đại biểu được mời tham dự		100
	- Báo cáo tham luận	Bài viết	300
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ		
8.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:		
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	400
	- Thành viên, thư ký	Người/buổi	200
8.2	Nghiệm thu dự án:		
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	600
	- Thành viên, thư ký	Người/buổi	400
	- Nhận xét đánh giá của Ủy viên phân biện	Bài viết	500
	- Nhận xét đánh giá của Ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	400
	- Đại biểu được mời tham dự		100
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã.		
9.1	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	Người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1 lần hệ số lương bậc 1 công chức loại A 1 (2,34) theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang nhân dân với mức lương cơ sở do Nhà nước quy định

9.2	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	Người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1,37 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	
10	Chi giải thưởng môi trường			
	- Tổ chức		8,000	
	- Cá nhân		5,000	